

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 15 - 5- 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phương.
2. Ông Nguyễn Thanh Thơm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số 06 Đặng Tràm, phường P Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 02/19B đường T, tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Đình L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 02/19B đường T, tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P trình bày:

Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22/10/1998. Sau

khi kết hôn vợ chồng ở nhà cha, mẹ anh L, tại phường T, thị xã H. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi làm ăn xa nhà và ít quan tâm đến vợ con, mỗi lần về nhà thì thường có lời lẽ xúc phạm chị P, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 7/2022 anh L, chị P gây gổ, xúc phạm nhau, chị P thấy không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa, nên chị đã sống ly thân đi ở nơi khác, từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đình L.

Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L có 03 người con chung tên là Lê Thị Minh N, sinh ngày 02/6/1999; Lê Đình Đông H, sinh ngày 25/12/2002 và Lê Đình Đạo T, sinh ngày 20/01/2005. Hiện nay các con của chị P và anh L đã thành niên (Đủ 18 tuổi), nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Trần Thị Mỹ P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Đình L: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh L, quá thời hạn quy định mà anh L vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P được ly hôn với anh Lê Đình L; Hiện nay các con của chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L là Lê Thị Minh N, sinh ngày 02/6/1999; Lê Đình Đông H, sinh ngày 25/12/2002 và Lê Đình Đạo T, sinh ngày 20/01/2005 đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên không giải quyết; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Đình L.

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Đình L, có nơi cư trú tại: Số 02/19B đường T, tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về hôn quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L sau khi tìm hiểu nhau đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22/10/1998 nên Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, xúc phạm nhau, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, bỏ mặc nhau trong cuộc sống, nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn anh Lê Đình L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh L đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh L không đến, chứng tỏ anh L không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị P, anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ P được ly hôn với anh Lê Đình L.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L có 03 người con chung tên là Lê Thị Minh N, sinh ngày 02/6/1999; Lê Đình Đông H, sinh ngày 25/12/2002 và Lê Đình Đạo T, sinh ngày 20/01/2005. Hiện nay đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị P, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P được ly hôn anh Lê Đình L.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L có 03 người con chung tên là Lê Thị Minh N, sinh ngày 02/6/1999; Lê Đình Đông H, sinh ngày

25/12/2002 và Lê Đình Đạo T, sinh ngày 20/01/2005. Hiện nay đã thành niên (Đủ 18 tuổi) nên chị P, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Trần Thị Mỹ P và anh Lê Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Trần Thị Mỹ P đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003602 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 26/1998, ngày 22/10/1998;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân